TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1394/KDTM-ST
Ngày: 27/4/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST- KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2022/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1751/2022/QĐXXST- DS ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một Thành viên S.

Địa chỉ: Số A đường B, Khu phố C, phường D, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M.

Địa chỉ: Phường E, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 30/3/2021).

2. Bị đơn: Công ty TNHH I.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Phạm Trần Ngọc H.

Địa chỉ: Số F đường G, Phường H, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 02/UQ ngày 31/12/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, n*guyên đơn – Công ty TNHH Một Thành viên S có bà Nguyễn Thị Quỳnh M là đại diện ủy quyền trình bày*:

Vào ngày 03 tháng 09 năm 2019, Công ty TNHH MTV S và Công ty TNHH I có ký hợp đồng số 01/2019/SQ-IV mua bán mặt giày các loại. Sau đó, Công ty TNHH MTV S đã sản xuất và giao hàng đầy đủ cho Công ty I và xuất hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

Ngày 03/10/2019 xuất hóa đơn số 0029936 số tiền là: 355.938.554 đồng

Ngày 24/10/2019 xuất hóa đơn số 0029940 số tiền là: 282.391.095 đồng

Ngày 25/03/2020 xuất hóa đơn số 0028023 số tiền là: 15.344.784 đồng

Ngày 27/04/2020 xuất hóa đơn số 0028034 số tiền là: 6.250.794 đồng

Theo như Hợp đồng số 01/2019/SQ-IV ngày 03 tháng 9 năm 2019 thì thời hạn thanh toán tiền hàng là 45 ngày sau khi xuất Hóa đơn GTGT thì Công ty TNHH I phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV S. Nhưng tới thời điểm hiện nay, Công ty TNHH MTV S vẫn chưa nhận được tiền thanh toán của Công ty TNHH I.

Sau nhiều lần viết mail và liên lạc nhưng cho đến nay Công ty I vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S, gây cho Công ty S rất nhiều khó khăn và thiệt hại. Vì vậy, Công ty S đề nghị Tòa án buộc Công ty I phải trả số tiền theo những lần xuất hóa đơn GTGT với tổng số tiền nợ gốc là: 659.925.227 đồng (Sáu trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng).

Công ty TNHH Một Thành viên S không yêu cầu Công ty TNHH I phải trả lãi số tiền nêu trên.

Bị đơn- Công ty TNHH I có ông Phạm Trần Ngọc H là đại diện theo ủy quyền vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Theo khoản 2 Điều 21, vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn - Công ty TNHH Một Thành viên S tranh chấp yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán số tiền hàng phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 01/2019/SQ-IV ngày 03/9/2019. Đây là tranh chấp phát sinh giữa các pháp nhân và nhằm mục đích sinh lợi nên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Do tại thời điểm Tòa án thụ lý, bị đơn có trụ sở tại Thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

2. Về thủ tục tố tụng:

Công ty TNHH I vẫn đang hoạt động tại địa chỉ Số X đường Y, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không treo biển, khi Tòa án tống đạt giấy triệu tập, có nhân viên nhận văn bản nhưng từ chối đóng dấu, không gặp được người đại diện theo pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định.

Tòa án có tống đạt được cho ông Victor ching Bautista- là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH I có nhận trực tiếp văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Ngày 31/12/2021, Công ty TNHH I có văn bản ủy quyền số 01/UQ cho ông Phạm Trần Ngọc H tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết vụ kiện của Công ty TNHH Một Thành viên S.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2022/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1751/2022/QĐXXST- DS ngày 29/3/2022 nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH I đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

3. Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH Một Thành viên S yêu cầu Công ty TNHH I phải trả cho Công ty TNHH Một Thành viên S số tiền nợ gốc là: 659.925.227 đồng (Sáu trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng), thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét yêu cầu này của nguyên đơn như sau:

Công ty TNHH Một Thành viên S hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh

nghiệp: 3700852***. Đăng ký lần đầu ngày 10/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH I hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 0313272*** đăng ký lần đầu ngày 26/5/2015, thay đổi lần thứ 8 ngày 26/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 03/9/2019, Công ty TNHH I và Công ty TNHH Một Thành viên S ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/2019/SQ-IV mua bán mặt giày các loại. Như vậy, hợp đồng được ký là phù hợp với chức năng ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH I và Công ty TNHH Một Thành viên S. Căn cứ hợp đồng trên, Công ty TNHH Một Thành viên S đã sản xuất, giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH I như sau:

Ngày 03/10/2019 xuất hóa đơn số 0029936 số tiền là: 355.938.554 đồng

Ngày 24/10/2019 xuất hóa đơn số 0029940 số tiền là: 282.391.095 đồng

Ngày 25/03/2020 xuất hóa đơn số 0028023 số tiền là: 15.344.784 đồng

Ngày 27/04/2020 xuất hóa đơn số 0028034 số tiền là: 6.250.794 đồng

Để đánh giá chứng cứ được khách quan và đầy đủ, ngày 31/12/2021 Tòa đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cho các bên đương sự, tuy nhiên Công ty TNHH I không có văn bản phản đối nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Công ty TNHH I phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà Công ty TNHH Một Thành viên S đưa ra. Do đó, Công ty TNHH Một Thành viên S yêu cầu Công ty TNHH I phải trả cho số tiền nợ gốc là: 659.925.227 đồng (Sáu trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng), thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Một Thành viên S không yêu cầu Công ty TNHH I phải trả lãi số tiền nêu trên.

Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí. Công ty Công ty TNHH I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.397.009 đồng. Công ty TNHH Một Thành viên S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho

Công ty TNHH Một Thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.782.326 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028604 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Công ty TNHH I chưa đóng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 , khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 87 Luật Thương mại;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH I phải thanh toán cho Công ty TNHH Một Thành viên S số tiền là: 659.925.227 đồng (Sáu trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng) trả làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Một Thành viên S. không yêu cầu Công ty TNHH I phải trả lãi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày Công ty TNHH Một Thành viên S có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền trên, Công ty TNHH I còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí. Công ty Công ty TNHH I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.397.009 đồng (Ba mươi triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng);

Công ty TNHH Một Thành viên S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH Một Thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.782.326 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028604 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Công ty TNHH I chưa đóng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty TNHH Một Thành viên S, Công ty TNHH I, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thanh Nga